TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 02 – 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị M**, sinh năm 1978; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Xin vắng)

Bị đơn: Anh **Văn Đỗ Đ**, sinh năm 1973; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị M và anh Đ quyết định chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu từ năm 2018 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả

thì. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh Đ thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mỗi lần nhậu say rồi về nhà đập phá đồ đạc. Chị M đã nhiều lần khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị M cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn Đỗ Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Văn Đắc T, sinh ngày 15/6/2009. Hiện con đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Văn Đỗ Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh Đ được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị M xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Văn Đỗ Đ vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 71 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Chị M và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy chị M, anh Đ không có hạnh phúc, đã sống ly thân và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử

cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Văn Đỗ Đ và giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Dương Thị M, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Văn Đỗ Đ có nơi cư trú tại ấp 5, xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:***

[3.1] Chị M và anh Đ tự nguyện sống chung với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, nhậu nhẹt say về nhà còn đập phá đồ đạc và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị M cũng đã nhiều lần khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị M, anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt không lý do còn chị M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa chị M và anh Đ đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh Đ.

[3.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Văn Đắc T, sinh ngày 15/6/2009. Chị M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay con chung sống với chị M và được chị M chăm sóc, nguyện vọng của cháu T cũng muốn sống với mẹ. Do đó,

cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Dương Thị M phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Dương Thị M được ly hôn với anh Văn Đỗ Đ.

2. Về con chung: giao con chung Văn Đắc T, sinh ngày 15/6/2009 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Văn Đỗ Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Dương Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004300 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị M, bị đơn anh Văn Đỗ Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Thu Hà